

Bản án số: 09/2021/HC-PT
Ngày: 13-01-2021
V/v: Khiếu kiện quyết định giải quyết
tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh
Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 259/2020/TLPT-HC ngày 23 tháng 3 năm 2020; về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4142/2020/QĐPT-HC ngày 17 tháng 12 năm 2020; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Ngô V .U (chết ngày 15/9/2019).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô V .U:

1. Bà Lê Th. L, sinh năm 1950
2. Bà Ngô Thanh H, sinh năm 1983
3. Ông Ngô Thanh H1, sinh năm 1991
4. Bà Ngô Kim Th, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã LDD, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp của bà Ngô Thanh Hiếu, ông Ngô Thanh Hiếu, bà Ngô Kim Th: Bà Lê Th. L (Văn bản uỷ quyền ngày 04/10/2019, có mặt)

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện hợp pháp: Ông Vương Phương N; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (Văn bản ủy quyền ngày 25/11/2019, vắng mặt).

2. Ông Đinh Th. Th; Địa chỉ: Ấp Minh Điền, xã LDD, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

3. Bà Huỳnh Lệ Ng

4. Ông Trịnh Minh Đ

5. Ông Trịnh Minh Đ1

6. Bà Trịnh Ái Nh

7. Ông Trịnh Thanh H

8. Bà Tôn Mỹ Thanh

9. Ông Trịnh Thanh T

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã LDD, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Ng, Đ, Đ1, Nh, H, T: Ông Trịnh Th. T (văn bản ủy quyền 26/10/2012, vắng mặt).

10. Ông Phan Thanh V

11. Bà Nguyễn Thị N

12. Ông Quách Văn Kh

13. Bà Phạm Thị X

14. Ông Nguyễn Văn L

15. Ông Nguyễn Văn T

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã LDD, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Phạm Thị X, Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Văn L (văn bản ủy quyền ngày 26/2/2013, vắng mặt).

16. Bà Lê Th. L; Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã LDD, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Chủ tịch UBND huyện ĐH là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai của ông Ngô V. U, bà Lê Th. L và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Th. L thống nhất trình bày nội dung sau:

Phần đất tranh chấp có diện tích 2.606m², tọa lạc tại Ấp B, xã LDD, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu, có nguồn gốc của cha mẹ ông V. U để lại cho vợ chồng ông V. U và bà Th. L. Ông V. U, bà Th. L quản lý và sử dụng đến năm 1995 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích ghi trên giấy là 1.500m². Khi ông V. U, bà Th. L nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không biết là giấy chứng nhận đã cấp thiếu diện tích đất thực tế của vợ chồng ông bà đang sử dụng nên không có khiếu nại. Năm 2004, bà Nguyễn Thị N tranh chấp đòi trả diện tích đất ngang 9,8m, dài 36,5m nhưng ông bà không đồng ý. Việc tranh chấp trên được giải quyết bằng vụ án dân sự. Tại Bản án dân sự sơ thẩm ngày 13/6/2005 của Tòa án nhân dân huyện DH, quyết định buộc ông V. U giao trả diện tích đất 359,9m² cho bà N. Tại Bản án dân sự phúc thẩm ngày 29/9/2005 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu quyết định công nhận cho ông V. U được quyền sử dụng diện tích đất 359,9m². Sau đó vợ chồng ông V. U, bà Th. L bán 01 phần diện tích đất trên cho ông Nguyễn Văn T, phần còn lại đi kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện DH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/9/2007.

Ngày 22/5/2008, Tòa án nhân dân Tối cao ban hành Quyết định giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm do không thuộc thẩm quyền của Tòa án. Tại Bản án phúc thẩm ngày 01/9/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 21/10/2008, Ủy ban nhân dân huyện DH ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông V. U năm 2007. Đến ngày 12/10/2009 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện DH ban hành Quyết định số 2890/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai, giao diện tích đất 359,9m² cho bà N. Ông V. U không đồng ý với quyết định trên nên khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, đến ngày 24/02/2011 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định số 340/QĐ-UBND về việc giữ nguyên Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện DH.

Ngày 28/3/2012, ông V. U khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện DH, tỉnh Bạc Liêu do vi phạm về nội dung và hình thức.

Theo văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện DH có nội dung như sau:

Thửa đất số 1179, tờ bản đồ số 13 (bản đồ lập năm 1995 của xã LDD) có tổng diện tích 1.700 m² do bà Lâm Thị Ph (Lâm Thị Ph, mẹ ruột bà N) kê khai, đăng ký được thể hiện theo sổ mục kê lập năm 1995. Trong tổng diện tích này có 359,9m² đất tranh chấp giữa bà N với ông V. U, phần diện tích còn lại anh em bà N bán cho một số hộ dân khác sử dụng ổn định không tranh chấp. Thửa đất 1179, tờ bản đồ số 13 được bà P kê khai, đăng ký sử dụng nhưng không có ai yêu cầu

hay phản ánh việc kê khai đăng ký và xác lập hồ sơ địa chính, cho đến khi phát sinh tranh chấp năm 2004. Hiện bà P đã chết, bà N là người thừa kế hợp pháp, do các con bà P thống nhất và có văn bản ủy quyền nên việc xem xét giải quyết công nhận quyền sử dụng đất cho bà N là đúng quy định.

Phần đất hộ ông V. U kê khai, đăng ký tại thửa số 1176 và 1178, tờ bản đồ số 13 giáp với thửa đất số 1179 của bà Phan được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Từ thời điểm năm 1995 đến khi xảy ra tranh chấp, ông V. U không có yêu cầu, phản ánh gì về việc xác lập thửa 1179 đứng tên bà P, do vậy, việc ông V. U cho rằng phần đất này là đất thuộc quyền sử dụng đất của gia đình ông là không có cơ sở.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà N và ông V. U là đúng quy định pháp luật.

Theo văn bản trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu có nội dung như sau:

Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do không thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ĐH đã ban hành các Quyết định số 2558/QĐ-UBND và 2559/QĐ-UBND cùng ngày 17/10/2008 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô V. U, ông Nguyễn Văn T và tiếp tục thụ lý xem xét theo thẩm quyền. Ngày 12/10/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ĐH đã ban hành Quyết định số 2890/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông V. U với bà N, nội dung bác đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất của ông V. U; công nhận cho bà N được quyền sử dụng 359,9m² đất thổ cư và vườn tạp tại Ấp B, xã LDD, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu. Lý do: Trên sổ mục kê đất đai và bản đồ địa chính lập năm 1995, bà Phan là mẹ ruột của bà N đăng ký sử dụng diện tích đất trên, tại thửa số 1179, tờ bản đồ số 13. Nay bà Phan chết, bà N là người được thừa kế.

Do có khiếu nại của ông V. U, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã ban hành Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 24/02/2011, bác đơn yêu cầu xin giải quyết tranh chấp đất đai của ông V. U, giữ nguyên Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ĐH về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông V. U với bà N. Lý do: Nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà N và ông V. U là của cha mẹ ông V. U cho gia đình bà N vào khoảng năm 1984, không có diện tích cụ thể. Diện tích đất tranh chấp là 359,9m² tại thửa 1179 tờ bản đồ số 13 do bà Phan (mẹ bà N) đứng tên trong sổ mục kê ruộng đất và bản đồ địa chính lập năm 1995, diện tích 1.700m². Mặt khác, năm 1995 ông V. U chỉ kê khai và đăng ký tại thửa số 1178, diện tích 1.500 m² và ông V. U được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Mẹ của bà N là dân tộc Khmer và là người đã có công với Nhà nước, được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì năm 1998.

Nay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu khẳng định việc ban hành Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu là đúng.

Các ông bà Nguyễn Thị N, ông Phan Thanh V thống nhất trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 359,9m² do cha ông V. U cho mẹ bà là bà Lâm Thị P. Phần đất này trước đây là ao đìa, gia đình bà và ông V. U cùng sử dụng chung. Sau đó mẹ bà kê khai trong sổ mục kê tại Ủy ban nhân dân xã LDD vào năm 1995. Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ĐH giải quyết bằng Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 thì phần đất tranh chấp đã có căn nhà của ông Nguyễn Văn Tuấn; trước đây ông V. U chuyển nhượng cho ông T; còn phần đất trống bà đã chuyển nhượng cho ông Trịnh Thanh T.

Các ông bà Nguyễn Văn T, Phạm Thị X, có ông Nguyễn Văn L làm đại diện trình bày:

Gia đình ông gồm có ông (L), vợ ông là bà Phạm Thị X và con ông là ông Nguyễn Văn T đã cất nhà ổn định trên phần đất trước đây nhận chuyển nhượng của ông V. U. Nay gia đình ông yêu cầu nếu thu hồi đất này thì phải bố trí chỗ ở mới cho gia đình ông tương đương với nhà, đất hiện nay gia đình ông đang ở.

Các ông bà Tôn Mỹ T, Huỳnh Lê Ng, Trịnh Minh Đ, Trịnh Minh Đ1, Trịnh Ái N, Trịnh Thanh H, có ông Trịnh Th T làm đại diện trình bày:

Vào tháng 5 năm 2012, ông T nhận chuyển nhượng phần đất của bà N nằm trong phần đất tranh chấp giữa ông V. U và bà N trước đây, phần đất ngang 04m; dài 36m. Tại thời điểm ông nhận chuyển nhượng đất của bà N thì bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho hộ ông T và bà Tôn Mỹ T. Nay ông V. U khởi kiện vụ án hành chính liên quan đến phần đất của ông nhận chuyển nhượng của bà N thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Ông Đinh Th. Th trình bày:

Vào năm 2011, ông có thuê phần đất ngang 04m, dài 25m của bà Th. L và ông V. U với giá là 4.800.000 đồng/năm, khi thuê đất thì ông không biết ông V. U và bà N đang tranh chấp phần đất ông thuê. Trong quá trình ở trên phần đất thuê thì bà N có đến ngăn cản, đến khi Ủy ban nhân dân huyện ĐH đến cưỡng chế thì ông mới di dời. Hiện nay ông không còn ở trên phần đất tranh chấp này nữa, ông không còn quyền lợi gì trên phần đất tranh chấp. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông Quách Văn Kh trình bày:

Ông là con rể của ông V. U và bà Th. L. Vào năm 2006, ông có nhận chuyển nhượng của ông V. U và bà Th. L phần đất ngang 4m, dài 26m, phần đất hiện nay nằm trong phần đất tranh chấp giữa bà N và ông V. U. Khi ông nhận chuyển nhượng không có làm giấy tờ. Trước đây, ông có cho ông Th thuê để mở

tiệm sửa xe, từ khi có quyết định cưỡng chế của Ủy ban nhân dân huyện ĐH thì phần đất trên bỏ trống cho đến nay. Nay ông V. U yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu có liên quan đến phần đất của ông nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 53, 55, 59, 60, 115, 116, 157, 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô V. U về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 2890/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2. Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 2890/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu và Quyết định giải quyết khiếu nại số 340/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, ông Bùi MT là Chủ tịch UBND huyện ĐH nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 2890/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 của Chủ tịch UBND huyện ĐH và Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, ông Dương Thành Trung là Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu nộp đơn kháng cáo quá hạn đối với toàn bộ bản án sơ thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm đã ban hành Quyết định số 31/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc không chấp nhận kháng cáo quá hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Lê Th. L là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện ĐH có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bị kiện là

Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến.

Trong phần tranh luận, bà Lê Th. L không trình bày gì thêm, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1/ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2/ Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện ĐH làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3/ Về nội dung kháng cáo: Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đều xác định toàn bộ phần đất của bà N đã được bà chuyển nhượng hết cho các ông Lê Tấn H, Châu Minh L, Phan Thanh N, Huỳnh Minh V, Lê Tấn Tr, Quách Thành D, Lê Tấn Kh. Do bà N không còn đất nên khi ông V. U có đơn tranh chấp, Chủ tịch UBND huyện ĐH bác yêu cầu khiếu nại của ông V. U và sau đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu tiếp tục bác đơn khiếu nại của ông V. U là trái pháp luật. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V. U, huỷ các quyết định nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện ĐH và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo Chủ tịch UBND huyện ĐH làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu và Chủ tịch UBND huyện ĐH tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện, trong đó Chủ tịch UBND huyện ĐH là người có kháng cáo bản án sơ thẩm. Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu và Chủ tịch UBND huyện ĐH đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị kiện, theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện ĐH, Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 2890/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 của Chủ tịch UBND huyện ĐH và Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu, nhận thấy:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành:

Tranh chấp giữa ông Ngô V .U và bà Nguyễn Văn N là tranh chấp quyền sử dụng đất mà các bên không chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng và hai bên cũng không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai. Do đó, Chủ tịch UBND huyện ĐH ban hành Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 160 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Không đồng ý với Quyết định số 2890/QĐ-UBND nên ông V. U tiếp tục khiếu nại và Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 24/02/2011, về việc giải quyết khiếu nại của ông V. U là đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Đối với Quyết định số 2890/QĐ-UBND:

Căn cứ vào các tài liệu như: Lời khai của ông Ngô V .U, Biên bản xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐH ngày 10/9/2009, Lời khai của các nhân chứng (gồm các ông bà Trần Quốc L, Ngô Văn T, Phạm Văn H, Huỳnh Trường G), nhận thấy có đủ căn cứ để xác định phần đất mà ông V. U tranh chấp với bà N có nguồn gốc của cha mẹ ông V. U để lại cho ông V. U và ông V. U có quá trình sử dụng ổn định, liên tục.

Căn cứ vào các tài liệu như: Sơ đồ vị trí đất tranh chấp do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐH lập ngày 18/10/2011; Báo cáo xác minh ngày 10/9/2009 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Biên bản làm việc của Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với ông Lê Tấn H, nhận thấy có đủ căn cứ để xác định bà N và các anh chị em của bà N đã chuyển nhượng hết phần đất có ranh giới giáp đất của ông V. U, cho các ông Lê Tấn H, Châu Minh L, Phan Thanh Ng, Huỳnh Minh V, Lê Tấn Tr, Quách Thành D, Lê Tấn Kh. Do đó, bà N không còn phần đất nào khác giáp với đất của ông V. U.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 của Chủ tịch UBND huyện ĐH bác yêu cầu khiếu nại của ông V. U là trái pháp luật.

[3.2.2] Đối với Quyết định số 340/QĐ-UBND: Như phần trên đã nhận định, Quyết định số 2890/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện ĐH là trái pháp luật. Do đó, khi ông V. U tiếp tục khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định số 340/QĐ-UBND, bác khiếu nại của ông V. U và giữ nguyên Quyết định 2890/QĐ-UBND là trái pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V. U, hủy 02 quyết định hành chính nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người bị kiện không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới. Do đó, kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện ĐH là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Chủ tịch UBND huyện ĐH phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 53, 55, 59, 60, 115, 116, 157, 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô V .U.

Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 2890/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu và Quyết định giải quyết khiếu nại số 340/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch UBND huyện ĐH phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 14813 ngày 02/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu. Chủ tịch UBND huyện ĐH đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.